ài	hào		dǎ	qiú		tán	qín				
爱	好、		打	球、		弹	琴				
ài	hào		dǎ	qiú		tán	qín				
爱	好、		打	球、		弹	琴				

chàng	gē		tīng		kàn						
唱	歌、		听、		看、						
chàng	gē		tīng		kàn						
唱	歌、		听、		看、						

yùn	dòng		zú	qiú							
运	动、		足	球							
yùn	dòng		zú	qiú							
运	动、		足	球							

xuě		bīng									
雪、		冰									
xuě		bīng									
雪、		冰									